

Số: 1330 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh 293, đoạn từ phường
Bắc Giang đến tuyến nhánh vào chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc Ninh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của luật đường bộ và điều 77 luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/TT-BXD ngày 29/12/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 Sửa đổi, bổ sung một số định mức ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 Sửa đổi, bổ sung một số định mức ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh 293, đoạn từ thành phố Bắc Giang đến tuyến nhánh vào chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh 293, đoạn từ thành phố Bắc Giang đến tuyến nhánh vào chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc Giang tại Báo cáo số 169/BC-SXD ngày 23/10/2025 của Sở Xây dựng;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1 tại Tờ trình số 54/TTr-BQLDA ngày 20/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh 293, đoạn từ phường Bắc Giang đến tuyến nhánh vào chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh 293, đoạn từ phường Bắc Giang đến tuyến nhánh vào chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc Ninh (*hiệu chỉnh tên địa danh đảm bảo phù hợp với tỉnh Bắc Ninh hiện nay sau khi sáp nhập tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh cũ*).

2. Địa điểm xây dựng: Phường Tân Tiến, phường Tân An, xã Bắc Lũng, tỉnh Bắc Ninh.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

4. Chủ đầu tư: Ban QLDA Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình giao thông 2.

6. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: Dự án nhóm B; công trình giao thông, cấp đặc biệt; công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III (*công trình chiếu sáng*).

7. Mục tiêu dự án

Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường nhằm từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch; tăng cường kết nối giao thông vùng và khu vực; cải thiện điều kiện, nâng cao năng lực khai thác tuyến đường; giảm tình trạng ùn tắc, hạn chế tai nạn giao thông; góp phần mở rộng không gian đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đồng thời, phát huy hiệu quả đầu tư một số dự án đã và đang đầu tư trong khu vực.

8. Quy mô đầu tư xây dựng

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng:

Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT.293, đoạn từ phường Bắc Giang đến tuyến nhánh vào chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc Ninh theo chủ trương đầu tư được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 28/04/2025. Theo đó đầu tư tuyến đường đạt quy mô đường phố chính chủ yếu theo TCVN 13592:2022; chiều dài khoảng 8,92km; mặt cắt ngang đường là 58,5m; vận tốc thiết kế $V_{tk}=80\text{km/h}$; điểm đầu Km3+380 tại cuối cầu Văn Sơn thuộc địa phận phường Tân Tiến; điểm cuối Km13+300 nút giao với tuyến nhánh vào chùa Vĩnh Nghiêm thuộc địa phận xã Bắc Lũng (*không bao gồm đoạn từ Km7+400 đến Km8+400*).

8.2. Giải pháp thiết kế xây dựng chủ yếu

a) Bình đồ, mặt cắt dọc:

Hướng tuyến: Bình đồ tuyến theo quy hoạch được duyệt, các yêu cầu kỹ thuật đảm bảo tầm nhìn, bán kính đường cong đứng, cong nằm, độ dốc dọc đảm bảo theo QCVN 07-4:2023/BXD.

b) Mặt cắt ngang:

Nền đường rộng $B_n = 58,5\text{m}$, gồm: Mặt đường $B_m = 2 \times 10,5\text{m} = 21,0\text{m}$; dải phân cách giữa $B_{gpc} = 2,0\text{m}$; dải phân cách bên $B_{dpcb} = 2 \times 1,75 = 3,5\text{m}$; đường gom hai bên $B_{dg} = 2 \times 9,0 = 18,0\text{m}$; hè đường $B_h = 2 \times 7 = 14,0\text{m}$.

Số làn xe, chiều rộng đường, hè, dải phân cách, dốc ngang mặt đường đảm bảo theo QCVN 07-4:2023/BXD.

c) Nút giao: Các đảo giao thông, góc giao, tầm nhìn, tốc độ, bán kính cong, bó vỉa đảm bảo theo QCVN 07-4:2023/BXD.

d) Nền đường:

- Đối với nền đào: Tiến hành đào nền, đào khuôn đường đến cao trình thiết kế lu lèn đảm bảo lớp đất nền dày 30cm dưới kết cấu áo đường đạt độ chặt $K \geq 98\%$ với giải pháp xáo xới lu lèn hoặc thay bằng lớp vật liệu đủ tiêu chuẩn (*nếu không đảm bảo*).

- Đối với nền đắp: Trước khi đắp nền thực hiện đánh cấp, đào bỏ lớp đất không thích hợp sau đó đắp thay thế bằng đất lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 95\%$, riêng lớp đất đắp dày 50cm sát kết cấu áo đường đảm bảo độ chặt $K \geq 98\%$. Khi đắp trên mái dốc nền đường cũ có độ dốc lớn hơn 20% tiến hành đào cấp, chiều rộng cấp tối thiểu 2,0m. Mái taluy nền đường đắp là 1/1,5.

- Xử lý nền đất yếu: Xử lý nền đất yếu bằng giải pháp đào thay đất, cọc xi măng đất, cọc tre trên một số đoạn tuyến.

e) Mặt đường: Thiết kế kết cấu áo đường mềm cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 180\text{Mpa}$.

f) Thiết kế cầu: Thiết kế mở rộng cầu Thượng Tùng sang mỗi bên 6,0m và 2 cầu đường gom hai bên (*mỗi cầu gom rộng 12,5m*) bằng bê tông cốt thép (BTCT) và BTCT dự ứng lực; tải trọng HL93, cầu không có thông thuyền. Cầu trên tuyến chính và cầu trên đường gom mở rộng sử dụng dầm chủ và sơ đồ nhịp như cầu cũ gồm 03 nhịp dầm chữ “I” BTCT dự ứng lực có chiều dài dầm là 25,0m. Bề rộng toàn cầu sau mở rộng: $B=50,5\text{m}$ (*trong đó: Phạm vi tuyến chính rộng 24,0m; cầu đường gom mỗi bên rộng 12,5m; dải phân cách giữa rộng 2,0m; dải phân cách giữa đường gom và tuyến chính rộng 0,75m*). Mặt bằng cầu nằm trong đường thẳng, chiều dài phần cầu $L_{tc}=85,2\text{m}$ (*tính đến hết đuôi mố cầu*).

g) Hè đường, bó vỉa, dải phân cách giữa, hồ trồng cây và cây xanh:

- Hè đường: Phạm vi lát hè phần bên trái đoạn qua khu dân cư và cơ quan, từ Km10+69,7 đến Km10+486,33. Mặt hè được lát bằng gạch bê tông giả đá dày 4,5cm, trên lớp móng bê tông xi măng (BTXM) mác 150 dày 8cm. Bó hè bằng gạch xây vữa xi măng (VXM) mác 75 trên lớp móng BTXM mác 150 dày 10cm.

- Bó vỉa hè: Bó vỉa bằng BTXM mác 200 đặt trên lớp móng BTXM mác 200. Bó hè bằng vỉa vát kích thước 23x26x100(cm); đỉnh bó vỉa ở hè cao hơn mép phần xe chạy tối thiểu là 12,5cm và tối đa không quá 30cm, ở các dải phân cách và đảo giao thông tối thiểu là 30cm.

- Dải phân cách giữa: Thiết kế dải phân cách giữa rộng 2,0m, dải phân cách bên rộng 1.75m; dải phân cách được trồng cây trang trí.

- Hồ trồng cây, cây xanh: Hồ trồng cây bằng gạch xây VXM mác 75 trên lớp BTXM mác 100. Cây xanh: Lựa chọn cây phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương, thuận lợi cho cây phát triển và chăm sóc.

h) Thoát nước:

h1) Thoát nước ngang

Cống thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT, tải trọng HL93 bao gồm công địa hình thoát nước lưu vực, công cấu tạo thoát nước rãnh dọc và thoát nước thủy lợi.

- Công tròn: Thân công bằng BTCT mác 300; đế công bằng BTCT lắp ghép mác 200 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Kết cấu thượng, hạ lưu: Tường đầu, tường cánh bằng BTXM mác 150 đổ tại chỗ; gia cố thượng, hạ lưu bằng đá hộc xây vữa xi măng mác 100 trên lớp đệm đá dăm.

- Công hộp lắp ghép: Thân công bằng BTCT mác 250 đặt trên lớp BTXM mác 100 dày 10cm và lớp đệm đá dăm dày 15cm. Kết cấu thượng, hạ lưu: Tường đầu, tường cánh, hồ thu bằng BTXM mác 150 đổ tại chỗ; gia cố mái taluy thượng, hạ lưu bằng đá hộc xây VXM mác 100 trên lớp đệm đá dăm. Bản dẫn hai bên công (nếu có) bằng BTCT.

- Công hợp thiết kế đổ tại chỗ: Thân công bằng BTCT mác 350 đặt trên lớp BTXM mác 100 dày 10cm và lớp đệm đá dăm dày 15cm. Kết cấu thượng, hạ lưu: tường đầu, tường chân và tường cánh, sân công bằng BTCT mác 250; gia cố sân công thượng hạ lưu bằng đá hộc xây VXM mác 100 trên lớp đệm đá dăm; gia cố mái taluy thượng, hạ lưu bằng đá hộc xây VXM. Bản dẫn hai bên công (nếu có) bằng BTCT mác 250.

- Kết cấu móng: Tùy vào địa chất từng công để áp dụng các giải pháp xử lý móng công như đào thay đất, đóng cọc tre, dùng cọc BTCT.

h2) Hoàn trả kênh thủy lợi: Theo Văn bản số 2654/SNNMT-QLĐĐ ngày 23/9/2025 và Văn bản số 490/BST-QLCT ngày 27/8/2025 của Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Sông Thương.

h3) Thoát nước dọc:

- Thoát nước mặt đường: Hệ thống công dọc bằng BTCT D800 đặt dưới dải phân cách bên để thoát nước mặt đường.

- Thoát nước đô thị: Đoạn tuyến lát hè, thiết kế hệ thống công dọc theo quy hoạch bằng BTCT D1250 đặt dưới vỉa hè để thoát nước mặt đường và thoát nước đô thị.

- Những vị trí có siêu cao, mặt đường dốc một mái, thiết kế rãnh thu nước siêu cao bằng rãnh BTCT B = 0,4m đặt ở sát bó vỉa ở dải phân cách giữa giữa để thu nước mặt đường.

i) Tuy nen kỹ thuật: Bố trí trên tuyến trung bình khoảng 500m và tại các vị trí nút giao bố trí sẵn các tuynel ngang đường bằng BTCT mác 250 kích thước BxH = 1,4x1,6m. Kết cấu hồ ga tuynen bằng BTCT mác 250, đặt trên lớp móng lót mác 100.

k) An toàn giao thông: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT” và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

l) Hệ thống điện

11) Đường dây trung áp 35kV và TBA phục vụ chiếu sáng:

- Đường dây trung áp: Xây dựng 04 tuyến đường dây trung thế 35(22) kV trên không chạy dọc theo lề, hè tuyến đường đến khu vực trạm biến áp. Sử dụng dây cáp bọc XLPE/PVC-35(24)kV-1x70mm².

- Trạm biến áp: Xây dựng 04 trạm biến áp kiểu trạm treo cáp điện cho thi công cầu và chiếu sáng đường (gồm 01 trạm 22/0,4kV-50KVA và 03 trạm 100KVA-35(22)/0.4kV).

12) Hệ thống chiếu sáng tuyến đường:

- Hệ thống chiếu sáng đèn trang trí được bố trí trên giải phân cách làn đường, sử dụng cột kiểu sân vườn.

- Hệ thống đèn chiếu sáng đường được lắp trên giải phân cách bên sử dụng cột bát giác. Các đoạn nút giao và điểm ngắt giải phân cách có chiều dài >50m được lắp đặt cột đèn pha.

- Tại các nút vượt tuyến đường và nút giao cột đèn chiếu sáng được lắp đặt hai bên lề hè đường theo hình thức đối xứng nhau.

- Tại đảo tròn nút giao: Tâm đảo được lắp đặt cột đèn pha, xung quanh đảo tròn lắp đặt đèn trang trí có chiếu sáng trong thân cột và đỉnh cột.

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu thẩm định kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước.

- Danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án theo Tờ trình số 54/TTr-BQLDA ngày 20/10/2025 của Chủ đầu tư.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 1.799.415.687.000 đồng (*Một nghìn bảy trăm chín mươi chín tỷ, bốn trăm mười năm triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

Trong đó:

Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	608.002.885.000	đồng
Chi phí xây dựng	870.816.108.000	đồng
Chi phí thiết bị	1.121.227.000	đồng
Chi phí QLDA	9.416.923.000	đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD	33.353.190.000	đồng
Chi phí khác	31.338.306.000	đồng
Dự phòng	245.367.048.000	đồng
Tổng cộng	1.799.415.687.000	đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án:

- Thời gian chuẩn bị đầu tư: Năm 2025;

- Thời gian thực hiện dự án: 2025-2028.

13. Nguồn vốn đầu tư, dự kiến bố trí kế hoạch vốn: Vốn Ngân sách tỉnh được bố trí theo tiến độ thực hiện dự án.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc.

15. Đơn vị thụ hưởng: Sở Xây dựng (*riêng hệ thống chiếu sáng và đèn tín hiệu giao cho địa phương thụ hưởng và quản lý*).

16. Các nội dung khác

- Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: UBND các xã, phường: Tân Tiến, Tân An, Bắc Lũng tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Ban QLDA Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1 có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ đảm bảo tiến độ thực hiện của dự án.

- Các nội dung khác theo kết quả thẩm định tại Báo cáo số 169/BC-SXD ngày 23/10/2025 của Sở Xây dựng và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD đã được thẩm định.

Điều 2. Chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Kho bạc Nhà nước khu vực VI, UBND các xã, phường: Tân Tiến, Tân An, Bắc Lũng; Ban QLDA Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1 và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH-ĐT, KTTH, KTN;
- Lưu: VT, KTN_{Hiếu}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thế Tuấn